

Số: /BC-BQL

Sóc Trăng, ngày tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính quý III năm 2022

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng

Theo Công văn số 535/SNV-TTr ngày 11/3/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo định kỳ cải cách hành chính đối với sở ngành trên địa bàn tỉnh. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng báo cáo tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính quý III năm 2022, cụ thể như sau:

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC):

1. Công tác chỉ đạo điều hành:

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 15/KH-BQL ngày 14/3/2022 thực hiện cải cách hành chính năm 2022 (thay thế Kế hoạch số 01/KH-BQL ngày 26/01/2022) và các kế hoạch khác có liên quan đến công tác CCHC¹.

2. Cải cách thể chế:

Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện công tác pháp chế. Tiếp tục nâng cao chất lượng tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến khu công nghiệp.

Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Ban Quản lý các khu công nghiệp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và đúng theo quy định pháp luật. Qua rà soát, hiện nay Ban Quản lý đang trình Sở Tư pháp thẩm định, có ý kiến đối với dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 01/03/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định đơn giá thu tiền sử dụng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp An Nghiệp để Ban Quản lý các khu công nghiệp hoàn thiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

¹ Các kế hoạch có liên quan đến công tác CCHC năm 2022: Kế hoạch số 02/KH-BQL ngày 26/01/2022 thực hiện công tác kiểm soát TTHC; Kế hoạch số 03/KH-BQL ngày 26/01/2022 rà soát, đánh giá TTHC; Kế hoạch số 12/KH-BQL ngày 28/02/2022 tuyên truyền CCHC; Kế hoạch số 14/KH-BQL ngày 14/3/2022 kiểm tra công tác CCHC, công tác kiểm soát TTHC; Kế hoạch số 06/KH-BQL ngày 10/02/2022 duy trì, cải tiến Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Kế hoạch số 10/KH-BQL ngày 25/02/2022 thực hiện công tác pháp chế.

3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC):

Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC và kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC. 100% TTHC được công khai đầy đủ tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống Một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng thông tin điện tử của cơ quan.

Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đến thời điểm hiện tại là 40 TTHC và 01 TTHC theo cơ chế một cửa liên thông đã được niêm yết, công khai đầy đủ theo quy định trên bảng treo tường tại trụ sở cơ quan (Bộ phận Một cửa), trên Cổng thông tin điện tử và trên phần mềm Một cửa điện tử của Ban Quản lý các khu công nghiệp; đã trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đầy đủ 40/40 quy trình nội bộ giải quyết TTHC.

Thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và phân công 01 công chức phụ trách công tác tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị thuộc cơ quan quản lý trên Nền tảng trao đổi danh điện tử của Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <http://pakn.dichvucong.gov.vn>. Trong quý III/2022, Ban Quản lý đã tiếp nhận và giải quyết xong 01/01 phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo đúng quy định.

4. Cải cách tổ chức bộ máy:

Ngay từ đầu năm 2022, Ban Quản lý đã tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan từ 5 phòng xuống còn 3 phòng, bao gồm văn phòng, 02 phòng chuyên môn, nghiệp vụ và 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Quản lý là Trung tâm Hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp Sóc Trăng (theo Quyết định số 2885/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng). Tuy nhiên, để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về khu công nghiệp theo Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2022), Ban Quản lý đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giao bổ sung biên chế hành chính năm 2022 cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng để bảo đảm bố trí đủ 05 người đối với các phòng chuyên môn, văn phòng thuộc Ban Quản lý và thành lập Văn phòng đại diện Ban Quản lý các khu công nghiệp tại Khu công nghiệp Trần Đề.

5. Cải cách công vụ:

Ban Quản lý đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành và gửi về Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 về phê duyệt danh mục vị trí việc làm, biên chế công chức và cơ cấu ngạch công chức thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng.

Triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức; nâng cao chất

lượng, tinh thần trách nhiệm, đạo đức, tác phong và ý thức phục vụ của đội ngũ công chức trong thi hành công vụ gắn với công tác đánh giá và phân loại công chức theo quy định. Kết quả, có 01 công chức đang học lớp trung cấp lý luận chính trị; 15 lượt công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ tối thiểu và nghiệp vụ, chuyên môn do các Sở, ngành tổ chức năm 2022.

6. Cải cách tài chính công:

Ban hành Quyết định về Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công (thay thế Quyết định số 31/QĐ-BQL ngày 28/01/2022). Tiếp tục triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính đảm bảo tiết kiệm; tăng thu nhập cho công chức, người lao động.

7. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số:

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước, nâng cao hiệu suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan; tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về thực hiện TTHC mức 3, 4 và dịch vụ bưu chính công ích để doanh nghiệp biết, hiểu và sử dụng.

Tiếp tục áp dụng, duy trì Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan.

(Đính kèm bảng thống kê số liệu và kết quả thực hiện CCHC)

II. Thông tin lãnh đạo, công chức đầu mối phụ trách công tác CCHC tại Ban Quản lý các khu công nghiệp:

S T T	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Email
1	Lãnh đạo chỉ đạo CCHC	Nguyễn Thanh Trọng	Trưởng ban	0913 740 690	nttrong@soctrang.gov.vn
2	Lãnh đạo phụ trách CCHC	Lý Tuấn Anh	Phó Trưởng ban	0913 862 305	lytuananh@soctrang.gov.vn
3	Công chức phụ trách tham mưu CCHC	Triệu Thị Đờ	Cán sự Văn phòng	0989 484 328	ttdo@soctrang.gov.vn
4	Công chức phụ trách tham mưu công nghệ thông tin				
5	Công chức phụ trách Bộ phận một cửa				

III. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-CTUBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ:

1. Trưởng ban đã chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch có liên quan đến công tác CCHC và các kế hoạch khác nhằm thực hiện kịp thời ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý, phân công nhiệm vụ rõ ràng, đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp. Tổ chức họp giao ban định kỳ hàng tuần để nghe các phòng báo cáo tiến độ thực hiện, khó khăn, vướng mắc, đồng thời chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đảm bảo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra.

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, 100% công chức sử dụng hệ thống văn bản điện tử trong giải quyết công việc, sử dụng chữ ký số và không trình ký văn bản giấy. Đôn đốc, nhắc nhở việc xử lý hồ sơ TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử đảm bảo đúng với tiến độ xử lý hồ sơ thực tế.

Gương mẫu trong thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức.

Tuân thủ các quy định về chế độ hội họp trong hoạt động cơ quan như giảm số lượng cuộc họp không cần thiết, nâng cao chất lượng cuộc họp; chuẩn bị tốt các cuộc họp do cơ quan chủ trì; cử người tham gia dự họp đúng thành phần được mời dự họp.

Tiếp tục quán triệt, phổ biến đến công chức, người lao động Đề án văn hóa công vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018.

2. Đối với công chức, người lao động:

Công chức, người lao động nâng cao ý thức kỷ luật, chấp hành nghiêm nội quy, quy chế làm việc cơ quan; không sử dụng thời giờ làm việc vào việc riêng; không uống rượu, bia trước, trong giờ làm việc hoặc khi thi hành công vụ,...; có tinh thần, thái độ niềm nở, tôn trọng khi tiếp doanh nghiệp; chấp hành nghiêm quy định về an toàn giao thông và quy định về phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính với tinh thần nghiêm túc, cầu thị, nhanh chóng.

IV. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ và kết quả triển khai Đề án văn hóa công vụ:

1. Tiếp tục quán triệt đến toàn thể công chức trong cơ quan Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc và Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày

27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án văn hóa công vụ; Quyết định 319/QĐ-BNV ngày 10/5/2019 của Bộ Nội vụ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1847/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục thực hiện tốt phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” theo Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 14/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ với phương châm “Thi đua xây dựng cơ quan, đơn vị văn minh, hiện đại, xanh sạch, đẹp” và “Thi đua thực hiện kỷ cương, trách nhiệm, tận tụy, chuyên nghiệp”, phong trào thi đua "Cán bộ, công chức, viên chức ngành Kế hoạch và Đầu tư thi đua thực hiện văn hóa công sở giai đoạn 2019-2025" ban hành kèm theo Quyết định số 1135/QĐ-BKHĐT ngày 30/7/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trong giao tiếp với người dân, công chức luôn tôn trọng lắng nghe, tận tình hướng dẫn về quy trình xử lý công việc. Thực hiện “4 xin, 4 luôn”: xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép; Luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ.

2. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng:

Quy chế làm việc rõ ràng, minh bạch, cụ thể bảo đảm ngăn chặn được tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, vòi vĩnh, vụ lợi trong thi hành công vụ.

Xử lý nghiêm người đứng đầu có biểu hiện bao che, dung túng công chức dưới quyền có hành vi sai trái hoặc công chức dưới quyền có hành vi những nhiễu, gây phiền hà đối với doanh nghiệp.

Nghiêm chỉnh thực hiện đúng quy định việc tiếp công dân, tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của doanh nghiệp, người dân theo đúng quy định.

3. Thực hiện CCHC, đổi mới công nghệ quản lý và tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan

Tiếp tục thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết, không để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ, không yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ, tài liệu quá 01 lần. Thực hiện việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng qua hệ thống văn bản điện tử của tỉnh, sử dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính. Công khai tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng thông tin điện tử và hệ thống một cửa điện tử của cơ quan.

Tiếp tục thực hiện tiếp nhận và trả kết quả dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Tăng cường tuyên truyền và hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ bưu chính công ích.

Thường xuyên rà soát, thống kê các TTHC trên cơ sở quyết định công bố

của bộ, ngành chuẩn hóa để kịp thời trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định.

Tiếp tục công khai địa chỉ đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý, giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị, tố cáo của người dân, doanh nghiệp, nhất là về hành vi nhũng nhiễu gây phiền hà (Thông báo số 213/TB-BQL ngày 10/12/2019).

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện CCHC quý III năm 2022 của Ban Quản lý các khu công nghiệp./.

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trung tâm HT&DV KCN;
- Lưu: BLĐ, các phòng, VT.

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
QUÝ III NĂM 2022 TẠI BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH SÓC TRĂNG**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BQL ngày tháng 9 năm 2022 của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sóc Trăng)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Kết quả thống kê	Ghi chú
			Số lượng/tỷ lệ	
I	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	68,75	Kế hoạch số 15/KH-BQL ngày 14/3/2022 (thay thế Kế hoạch số 01/KH-BQL ngày 26/01/2022)
	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	16	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	11	Các KH: pháp chế, KS TTHC, Ứng dụng CNTT, CCHC, tuyên truyền CCHC, kiểm tra CCHC; Hoàn thiện Đề án và đã được UBND tỉnh ban hành QĐ về Đề án VTVL của BQL; KH bổ sung KH số 79 về triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế 1 cửa, 1 cửa liên thông; KH kiểm tra doanh nghiệp về đầu tư, xây dựng, môi trường và KH kiểm tra doanh nghiệp về lao động; KH tuyên truyền, phổ biến PL về PCCC&CNCH

	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	1	KH bổ sung KH số 79 về triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế 1 cửa, 1 cửa liên thông
2	Kiểm tra CCHC			Kế hoạch số 14/KH-BQL ngày 14/3/2022
	Số phòng ban đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
3	Tuyên truyền CCHC			Kế hoạch số 12/KH-BQL ngày 28/02/2022
	Tỷ lệ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch	%	77,8	Đã tuyên truyền 7/9 nội dung theo KH (1, 2, 3, 4, 6, 7, 8)
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự gửi và duyệt đăng tại Chuyên trang CCHC tỉnh (https://cchc.soctrang.gov.vn/)	Tin, bài	0	

	Số lượng tin, bài viết, phóng sự đã đăng tại Chuyên mục CCHC của Trang Thông tin điện tử của đơn vị	Tin, bài	4	Tháng 6,7,8
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua phương tiện truyền thông (báo, đài, website, zalo, ...)	Tin, bài	4	Đăng tải trên Cổng TTĐT của BQL các KCN, chuyên nhóm Zalo
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua các cuộc họp, hội nghị, hội thi, hội diễn,...	Có = 1 Không = 0	1	Tuyên truyền hàng tháng thông qua họp giao ban
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	1	Đang phối hợp với sở ngành liên quan để thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5	Có sáng kiến, giải pháp mới về CCHC	Không = 0; Có = 1	0	
6	Thực hiện khen thưởng về kết quả CCHC	Không = 0; Có = 1	0	

7	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	13	
	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	Lấy ý kiến khi trả kết quả
	Tỷ lệ hài lòng trong kỳ báo cáo	%	100	
8	Việc chấp hành Chỉ thị 10 của Chủ tịch UBND tỉnh, Chỉ thị 10 và Chỉ thị 26 của Thủ tướng Chính phủ về kỷ luật, kỷ cương hành chính	Tốt = 1 Có vi phạm = 0	1	
9	Nhiệm vụ khác (nếu có)			
II	Cải cách thể chế			
1	Số VBQPPL đã tham mưu ban hành	Văn bản	0	

	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng tiến độ	Văn bản	0	
	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	Văn bản	0	
2	Rà soát VBQPPL			
	Số VBQPPL phải rà soát	Văn bản	6	
	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	6	
	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật	Không = 0; Có = 1	1	

	Số lượng văn bản đã tuyên truyền	Văn bản	3	Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ; Văn bản số 2086/BLĐTBXH-TLĐLĐVN ngày 17/6/2022 giữa Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ
III	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Kiểm soát TTHC	Không = 0; Có = 1	1	
	Số lượng TTHC thực hiện rà soát	TTHC	2	
2	Kế hoạch rà soát TTHC	Có = 1; Không = 0	1	Kế hoạch số 03/KH-BQL ngày 26/01/2022
3	Đơn giản hóa TTHC	Không = 0; Có = 1	0	
	Rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định	Thủ tục	0	

	Giảm thành phần hồ sơ	Thủ tục	0	
	Khác	Thủ tục		
4	Thống kê TTHC			
	Số TTHC được công bố mới	Thủ tục	0	
	Số TTHC đã được bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
	Tổng số TTHC đang có hiệu lực:	Thủ tục	40	
	- Số TTHC áp dụng tại cơ quan, đơn vị:	Thủ tục	40	
	- Số TTHC áp dụng tại các đơn vị trực thuộc:	Thủ tục	0	
5	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Có = 1 Không = 0	1	

	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Ý kiến	1	Công văn số 3282/VP-TTHC ngày 05/7/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc chuyển đơn Phản ánh kiến nghị của ông Sơn Đức Thành.
	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Ý kiến	1	Công văn số 494/BQL-VP ngày 14/7/2022 của BQL các KCN về việc xử lý phản ánh, kiến nghị của ông Sơn Đức Thành.
6	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	1	
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
7	Kết quả giải quyết TTHC			

	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị tiếp nhận		28	Một cửa: 27; Một cửa liên thông: 01
	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị trả kết quả		24	Một cửa: 23; Một cửa liên thông: 01; Trong hạn đang giải quyết: 04
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	95,8	Có 01 hồ sơ trễ hạn trên hệ thống một cửa điện tử, nhưng thực tế thì hồ này trả kết quả cho doanh nghiệp trước hạn. Nguyên nhân là do lỗi kỹ thuật trên hệ thống phần mềm, việc cấu hình thời gian chờ bổ sung hồ sơ chưa đầy đủ dẫn đến hồ sơ trên hệ thống bị trễ hạn.
IV	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
	Số phòng ban chuyên môn thuộc khối văn phòng sở	Cơ quan, đơn vị	3	Văn phòng, Phòng KHTH, phòng QLXDMT
	Số tổ chức hành chính trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	

	Số phòng ban chuyên môn trong tổ chức hành chính trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	1	Trung tâm Hạ tầng và Dịch vụ KCN Sóc Trăng
	Số phòng ban chuyên môn trong đơn vị sự nghiệp trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số lượng phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Tỷ lệ phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%	100	
	Số lượng đơn vị sự nghiệp cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Tỷ lệ phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%		
2	Số liệu về biên chế công chức			

	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	27	
	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	26	
	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	10	
	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với kế hoạch năm	%	100	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có)		0	
	Tổng số người làm việc được giao	Người		
	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		

	Tỷ lệ % đã tính giảm so với kế hoạch năm	%		
4	Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn (nếu có)		8	
	Tổng số người làm việc được duyệt	Người		
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	8	
5	Số liệu về lãnh đạo			
	Số lượng lãnh đạo cấp sở, ngành	Người	4	01 Trưởng ban; 03 Phó Trưởng ban
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành	Người	5	3 TP; 01 PTP; 01 PGĐ
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc	Người	0	
6	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước		0	

	Số đơn vị hành chính cấp huyện, phòng chuyên môn cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị hành chính cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
7	Thanh tra chuyên ngành		0	
	Số sở ngành và các đơn vị trực thuộc sở ngành đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị hành chính cấp huyện và các đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị hành chính cấp xã đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số vấn đề phát hiện qua thanh tra	Vấn đề		

	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
V	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
	Cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Có = 1; Không = 0	1	Quyết định số 1995/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh Sóc Trăng.
	Cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành và gửi về Sở Nội vụ	Có = 1; Không = 0	1	Tờ trình số 20/TTr-BQL ngày 19/7/2022 của BQL các KCN.
2	Tuyển dụng công chức, viên chức (nếu có)			
	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	1	01 viên chức công tác tại Thư viện tỉnh được tuyển dụng vào công chức không qua thi tuyển làm việc tại Văn phòng BQL các KCN (theo QĐ số 2242/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh).

	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1; Chưa thực hiện = 0	0	
	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc đơn vị trực thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng			

	Số người được đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch	Người	37	Văn bản số 1118/BQL-VP ngày 30/12/2021
	Số người đã được đào tạo, bồi dưỡng thực tế	Người	15	
5	Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		1/1	Đã chuyển đổi trong tháng 5/2022.
	Chi tiêu chuyển đổi theo quy định	Người		
	Kết quả thực hiện thực tế	Người		
6	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0	
	Số lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		

	Số công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số người làm việc tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ hoàn toàn			
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ một phần			
	- Trong đơn vị SNCL do ngân sách nhà nước đảm bảo			
VI	Cải cách tài chính công			
1	Sở ngành thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	
2	Số tổ chức hành chính trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	Cơ quan, đơn vị	0	
3	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thực hiện cơ chế tự chủ		1	Trung tâm Hạ tầng và Dịch vụ KCN Sóc Trăng

	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
4	Quy chế chi tiêu nội bộ của sở ngành đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	Quyết định số 61/QĐ-BQL ngày 20/7/2022 (thay thế Quyết định số 31/QĐ-BQL ngày 28/01/2022)
5	Số lượng đơn vị trực thuộc có Quy chế chi tiêu nội bộ đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	Đã dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ. Hiện nay đang chờ Sở Tài chính thẩm định phương án tự chủ loại 2, để có cơ sở để ban hành Quy chế.
VII	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
1	Ban hành kế hoạch phát triển chính quyền số, ứng dụng CNTT	Có = 1; Không = 0	1	Kế hoạch số 13/KH-BQL ngày 28/02/2022.

2	Bố trí công chức, viên chức chuyên trách CNTT	Người	1	01 công chức phụ trách CNTT
1	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn bản	376	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	Văn bản	299	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	Văn bản	77	Các văn bản này là gửi các doanh nghiệp và văn bản mật, không có trên trực liên thông.
2	Vận hành kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh	Có = 1 Không = 0	1	
3	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4			
	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3			
	- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	3	

	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	3	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC	0	
	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			
	- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	26	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	26	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC	0	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	TTHC	2	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến đối với các TTHC đã cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	TTHC	3	Phát sinh 12 hồ sơ, cụ thể: Mức độ 3 là 04 hồ sơ thuộc 01 TTHC và mức độ 4 là 08 hồ sơ thuộc 02 TTHC.

	Số lượng hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	TTHC	0	
	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	TTHC	10	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	TTHC	0	
	Vận hành hệ thống báo cáo cấp tỉnh	Có = 1; Không = 0	1	
	Sử dụng phần mềm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao	Có = 1; Không = 0	1	
	Số lượng công chức, viên chức có tài khoản thư điện tử chính thức	Người	20	Công chức là 16 và viên chức là 04
	Số lượng lãnh đạo được cấp chứng thư số	Người	4	
	Triển khai các ứng dụng số khác như: Quản lý nhân sự, Quản lý tài chính – Kế toán, Quản lý Thi đua – Khen thưởng, Quản lý tài sản	Số lượng phần mềm		Có
4	Dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			

	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI)	TTHC	40	
	Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	TTHC	0	
	Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	TTHC	0	
	Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
	Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
5	Áp dụng ISO trong hoạt động			
	Sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	1	
	Sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	0	Theo KH sẽ đánh giá trong tháng 9/2022
	Sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	0	

	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	0	Đang thực hiện
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	0	
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	0	